UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 77 /KH-UBND	*Lạng Sơn, ngày 08 tháng 4 năm 2022*

KẾ HOẠCH
Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030

Thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030", Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Lạng Sơn xây dựng Kế hoạch như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số tạo đột phá trong đổi mới hoạt động giáo dục và đào tạo; đổi mới quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; tác động tích cực, toàn diện tới phương thức hoạt động, chất lượng, hiệu quả và công bằng trong giáo dục.

2. Yêu cầu

Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo phải lấy người học và nhà giáo làm trung tâm; phải được triển khai đồng bộ, thống nhất, có hệ thống trong tổng thể chương trình chuyển đổi số của tỉnh; được triển khai từng bước có trọng tâm, trọng điểm, đạt hiệu quả cao trong từng giai đoạn, nhất là trong giai đoạn thực hiện chủ trương thích ứng an toàn, linh hoạt và kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19.

Việc xây dựng và thực hiện Kế hoạch phải bám sát Quyết định số 131/QĐ-TTg; Kế hoạch số 226/KH-UBND ngày 18/11/2021 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết 49-NQ/TU ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Tạo điều kiện thuận lợi nhất trong khuôn khổ quy định của pháp luật đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Ứng dụng các tiến bộ trong khoa học và công nghệ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong dạy học và quản trị nhà trường, nâng cao chất lượng và cơ hội tiếp cận giáo dục hiện đại, hiệu quả quản lý giáo dục; xây dựng nền giáo dục mở thích ứng trên nền tảng số, góp phần phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đến năm 2025

a) Công tác quản lý, điều hành

Đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý, điều hành dựa trên nền tảng công nghệ số và dữ liệu số, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và chất lượng cung cấp dịch vụ hỗ trợ của cơ quan nhà nước và các cơ sở giáo dục, cụ thể như sau:

- 100% cơ sở giáo dục áp dụng hệ thống phần mềm quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số.

- 100% báo cáo định kỳ, báo cáo thống kê giáo dục được thực hiện qua hệ thống báo cáo của ngành; chia sẻ dữ liệu giữa hệ thống báo cáo của ngành với hệ thống báo cáo của tỉnh và Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ.

- 100% người học, 100% cán bộ công chức, viên chức, người lao động được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất toàn quốc.

- Cơ sở dữ liệu toàn ngành được hoàn thiện, kết nối thông suốt với tất cả các cơ sở giáo dục đảm bảo cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, tin cậy và kịp thời; được kết nối và chia sẻ hiệu quả với các cơ sở dữ liệu của tỉnh, quốc gia.

- Các cơ quan quản lý giáo dục từ Sở Giáo dục và Đào tạo tới các cơ sở giáo dục được vận hành chủ yếu dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó 90% hồ sơ công việc tại cấp sở; 80% hồ sơ công việc tại cấp phòng; 65% hồ sơ công việc tại cấp trường được giao dịch và giải quyết trên môi trường số (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

b) Cung cấp dịch vụ hành chính công

- 100% dịch vụ công đủ điều kiện thực hiện trực tuyến mức độ 4 (hoặc mức độ 3 nếu không phát sinh thanh toán) được cung cấp trên nhiều phương tiện khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- Tối thiểu 50% hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4.

- Tỷ lệ người học, phụ huynh hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến của các cơ sở giáo dục đạt 90% trở lên

- Tỷ lệ tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan quản lý giáo dục đạt 90% trở lên.

- 80% cơ sở giáo dục phổ thông triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt. 80% cha mẹ học sinh có tài khoản điện tử để thực hiện các giao dịch điện tử trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

c) Công tác dạy học và kiểm tra đánh giá

Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức giáo dục, đưa dạy và học trên môi trường số trở thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hằng ngày đối với mỗi đơn vị, mỗi nhà giáo, mỗi người học, cụ thể như sau:

- 100% nhà giáo được nâng cao và tích lũy kinh nghiệm xử lý trong công tác giảng dạy thông qua việc tích lũy và chia sẻ thông tin trên một hệ thống quản lý vận hành tập trung thông minh.

- Về tiếp cận giáo dục trực tuyến: 75% người học và nhà giáo có đủ điều kiện (về phương tiện, đường truyền, phần mềm) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá trực tuyến.

- Về môi trường giáo dục trực tuyến

+ 100% các cơ sở giáo dục phổ thông triển khai thực hiện nền tảng hỗ trợ dạy và học trực tuyến qua mạng, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình, xây dựng và phát triển kho học liệu số, bài giảng e-Learning, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm trực tuyến, phần mềm thiết kế bài giảng điện tử, phần mềm mô phỏng, thí nghiệm ảo và phần mềm dạy học; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến.

+ Triển khai một số nền tảng dạy và học trực tuyến (ưu tiên các sản phẩm trong nước) được tối thiểu 75% học sinh, sinh viên sử dụng.

+ Xây dựng kho học liệu trực tuyến của tỉnh (có kết nối với kho học liệu quốc gia) đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho trên 50% nội dung chương trình giáo dục phổ thông.

- Về quy mô hoạt động giáo dục trực tuyến: Tỉ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt trung bình 5% ở cấp tiểu học, 10% ở cấp trung học.

- 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

d) Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị

- 100% trường học có kết nối internet cáp quang tốc độ cao.

- 100% trường học từ cấp Tiểu học trở lên có phòng máy vi tính phục vụ công tác dạy học.

- 100% cán bộ, giáo viên được trang bị chứng thư số.

- 80% cơ sở vật chất, trang thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục và đào tạo được quản lý bằng hồ sơ số.

e) Phát triển nguồn nhân lực

- 100% cơ sở giáo dục phổ thông có đội ngũ cốt cán hoặc cán bộ phụ trách về công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

- 100% cán bộ quản lý, giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông được bồi dưỡng, tập huấn đầy đủ các kỹ năng về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, biết sử dụng chữ ký số trong các hồ sơ điện tử theo quy định.

- 100% cán bộ quản lý, tối thiểu 90% giáo viên và 50% nhân viên có năng lực ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.

- 100% cán bộ, giáo viên biết sử dụng chứng thư số.

2.2.Mục tiêu đến năm 2030

Đưa tất cả thành tố của hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn tỉnh vào môi trường số, trong đó:

- Sử dụng nền tảng dạy và học trực tuyến tích hợp kho học liệu số hỗ trợ 100% người học và nhà giáo tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến; đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho toàn bộ chương trình giáo dục phổ thông.

- 100% các trường chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh cung cấp các chương trình đào tạo (cấp bằng) hình thức từ xa, trực tuyến.

- 100% nguồn lực giáo dục, chương trình giáo dục và đối tượng giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân được quản lý trên môi trường số, kết nối thông suốt toàn ngành và liên thông với các cơ sở dữ liệu, thông tin quốc gia.

- 100% cơ sở giáo dục phổ thông sử dụng học bạ điện tử; cán bộ quản lý, giáo viên sử dụng tài khoản học trực tuyến; 90% cơ sở giáo dục phổ thông triển khai hệ thống thông tin điều hành trường học thông minh; 90% phụ huynh và học sinh thường xuyên sử dụng các dịch vụ giáo dục trên các ứng dụng di động.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức; bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học

a) Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng bằng nhiều hình thức nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo đến toàn thể đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học trong ngành giáo dục và Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

b) Bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học bảo đảm quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số; kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ phụ trách công tác ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong ngành giáo dục; triển khai hệ thống bồi dưỡng giáo viên đảm bảo 100% nhà giáo có hồ sơ và tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu.

c) Triển khai mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật (giáo dục STEM/STEAM), phát triển tư duy lập trình, triển khai các chương trình về khoa học máy tính phù hợp; từng bước đưa kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giáo dục từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.

d) Tích cực triển khai Đề án/ Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các cấp học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trong đó ưu tiên, chú trọng bồi dưỡng năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số theo lộ trình đã được phê duyệt.

2. Tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

a) Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin các hệ thống số hóa, đảm bảo an

toàn trong các hoạt động dạy - học và làm việc trên môi trường số. Ưu tiên sử dụng các mô hình dịch vụ trên nền tảng đám mây; đảm bảo kết nối internet cáp quang tốc độ cao tới tất cả các cơ sở giáo dục; có chính sách hỗ trợ dịch vụ internet cho người học và đội ngũ giáo viên; có chính sách hỗ trợ máy tính phù hợp cho học sinh và sinh viên để thực hiện nhiệm vụ học tập trên môi trường số.

b) Triển khai hệ thống phòng học tương tác thông minh, phòng thí nghiệm/thực hành (Lab) hiện đại.

3. Triển khai hệ sinh thái chuyển đổi số hoạt động dạy, học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học

a) Đổi mới mô hình dạy và học

Triển khai (thí điểm triển khai) mô hình dạy - học tiên tiến trên nền tảng số theo hướng dạy học kết hợp (lớp học thông minh, nhóm học tương tác, tự học với trợ lý ảo) phù hợp với điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế của cơ sở giáo dục.

Triển khai mô hình kiểm tra đánh giá trên nền tảng số, tăng cường tổ chức mô hình giờ học kết nối, lớp học xuyên biên giới.

b) Triển khai kho học liệu số chia sẻ dùng chung

- Triển khai các kho học liệu số, học liệu mở chia sẻ dùng chung toàn ngành giáo dục, gồm bài giảng điện tử, bài giảng dạy trên truyền hình, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; triển khai hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho tất cả các môn học của giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

- Triển khai thư viện điện tử trong các cơ sở giáo dục phổ thông kết nối liên thông với các kho học liệu số; triển khai các phòng thí nghiệm ảo, các phòng thực hành ảo nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học.

c) Ứng dụng các nền tảng số phục vụ dạy và học

Ứng dụng nền tảng số dạy và học trực tuyến với các tính năng tiên tiến hỗ trợ học tập cá thể hóa và tăng cường trải nghiệm; tăng cường kiểm tra, thi trên máy tính và thi trực tuyến; kết nối nền tảng dạy học trực tuyến với nền tảng quản trị nhà trường và Internet vạn vật (mạng IoT), thiết lập hệ sinh thái chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục.

4. Triển khai đồng bộ hệ thống thông tin quản lý giáo dục và đào tạo và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục

a) Đổi mới mô hình, quy trình quản lý, cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính

- Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ theo hướng giúp ứng dụng hiệu quả công nghệ số.

- Triển khai cổng dịch vụ công trực tuyến (tích hợp Hệ thống thông tin một cửa điện tử) với các hệ thống nghiệp vụ chuyên ngành để cung cấp dịch vụ số, kết nối với Cổng dịch vụ công Quốc gia; mở rộng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4.

- Thử nghiệm nền tảng dùng chung giải quyết một số thủ tục hành chính không dùng giấy tờ trong ngành giáo dục dựa trên nền tảng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục.

b) Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin quản lý giáo dục và đào tạo

- Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành giáo dục (bao gồm cơ sở dữ liệu về người học, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và nhân viên; cơ sở vật chất, tài chính-đầu tư, kiểm định chất lượng giáo dục, nghiên cứu khoa học,...) đảm bảo phục vụ tất cả cơ quan quản lý giáo dục.

- Triển khai hệ thống thông tin quản lý ngành giáo dục, kết nối đầy đủ, toàn diện dữ liệu từ các cơ sở giáo dục, Phòng Giáo dục và Đào tạo đến Sở Giáo dục và Đào tạo; kết nối dữ liệu giữa ngành giáo dục với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu của tỉnh phục vụ công tác báo cáo, theo dõi, giám sát, cảnh báo, dự báo, kiểm tra và thanh tra của các cơ quan quản lý giáo dục.

- Triển khai trung tâm điều hành, giám sát thông tin ở cơ quan quản lý giáo dục và trường học, ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn hỗ trợ hoạt động quản lý giáo dục.

c) Triển khai các ứng dụng, nền tảng số phục vụ quản trị các cơ sở giáo dục

- Triển khai nền tảng quản trị nhà trường tích hợp không gian làm việc số tới 100% cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh nhằm tạo môi trường làm việc và tương tác trực tuyến cho cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo, nhân viên và người học; đảm bảo kết nối, báo cáo liên thông dữ liệu từ cơ sở giáo dục với hệ thống cơ sở dữ liệu toàn quốc của ngành giáo dục.

- Trên nền tảng cơ sở dữ liệu, triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử, liên lạc giữa nhà trường với gia đình, thanh toán không dùng tiền mặt, truyền thông và kết nối với các nền tảng ứng dụng trong và ngoài ngành giáo dục; triển khai các mô hình quản trị nhà trường tiên tiến trên nền tảng số đảm bảo thiết thực và hiệu quả.

d) Xây dựng môi trường số kết nối

- Triển khai nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu của ngành giáo dục với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh và của quốc gia; triển khai nền tảng quản lý mã định danh, xác thực người dùng trên môi trường số của ngành giáo dục.

- Ứng dụng công nghệ IoT trong số hóa, giám sát, quản lý và khai thác các nguồn lực, đối tượng và hoạt động giáo dục trong nhà trường, đảm bảo kết nối thời gian thực với hệ thống thông tin quản trị nhà trường.

5. Huy động các nguồn lực đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

a) Đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức và hiệp hội về công nghệ thông tin để giới thiệu, triển khai các giải pháp công nghệ tiên tiến về công nghệ giáo dục và chuyển đổi số áp dụng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo để người dân có thể dễ dàng tiếp cận các dịch vụ giáo dục ở mọi lúc, mọi nơi.

b) Thu hút nguồn vốn của doanh nghiệp thông qua hình thức đối tác công tư (PPP) để đầu tư xây dựng các nền tảng số và ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo, ưu tiên phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến, hệ thống học tập trực tuyến, kho học liệu số dùng chung, cơ sở dữ liệu ngành giáo dục.

c) Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp sản xuất, phân phối trang thiết bị số để hỗ trợ, ưu đãi cung cấp sản phẩm công nghệ thông tin cơ bản (máy tính, máy tính xách tay, máy tính bảng) tích hợp các phần mềm ứng dụng và tính năng an toàn, bảo mật cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học phục vụ hoạt động dạy - học trong các nhà trường.

6. Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số và tăng cường giám sát, đánh giá việc thực hiện cơ chế, chính sách

a) Rà soát và ban hành các văn bản quy định về chuyển đổi số trong các hoạt động dạy học, quản trị cơ sở giáo dục, quản lý giáo dục; quy định về cơ sở dữ liệu trong ngành giáo dục; quy định về năng lực số của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học.

b) Ban hành các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá công tác chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý giáo dục.

c) Ban hành chính sách thúc đẩy các hoạt động đổi mới sáng tạo, các mô hình giáo dục và đào tạo mới dựa trên nền tảng và công nghệ số; chính sách huy động sự tham gia và đóng góp nguồn lực của các tổ chức, cá nhân cho chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; chính sách thúc đẩy phát triển công nghệ giáo dục (Edtech); chính sách máy tính giáo dục cho học sinh, sinh viên; chính sách internet giáo dục.

d) Thường xuyên thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; tổ chức đánh giá, công bố chỉ số chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành; các nguồn kinh phí lồng ghép từ các chương trình, đề án, dự án liên quan đã được phê duyệt.

2. Nguồn xã hội hóa, nguồn kinh phí tự cân đối, huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

3. Các cơ quan, đơn vị sử dụng dự toán chi thường xuyên được giao hàng năm và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định để thực hiện Kế hoạch. Đối với các nội dung nhiệm vụ theo Kế hoạch không thuộc nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, nhiệm vụ được giao của cơ quan, đơn vị: ngành giáo dục và các cơ quan liên quan được giao nhiệm vụ lập dự toán kinh phí gửi cơ quan tài chính cùng cấp thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4. Ưu tiên triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin, đối tác công tư, giao nhiệm vụ, hình thức đặt hàng tùy theo từng nhiệm vụ cụ thể.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

Là cơ quan thường trực có nhiệm vụ giúp UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch; tiếp nhận các đề xuất, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân; phát hiện những ý tưởng, giải pháp đổi mới, sáng tạo để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số; đề xuất, kiến nghị UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch trong trường hợp cần thiết.

Cụ thể hóa các nội dung của Kế hoạch này trong các chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hằng năm của ngành giáo dục và đào tạo.

Chủ trì sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức tuyên truyền, phổ biến về chuyển đổi số ngành giáo dục và đào tạo trên các phương tiện thông tin đại chúng; chỉ đạo các doanh nghiệp công nghệ thông tin trên địa bàn hỗ trợ, có chính sách ưu đãi đối với chuyển đổi số phục vụ cho hoạt động giáo dục và đào tạo; triển khai chữ ký số, chứng thực điện tử, các chuẩn trao đổi dữ liệu số.

Triển khai đồng bộ Kế hoạch này với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình phát triển công nghệ thông tin và chuyển đổi trên địa bàn tỉnh.

Phối hợp với Công an tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin phục vụ triển khai thực hiện Kế hoạch.

Chỉ đạo Viễn thông Lạng Sơn và Viettel Lạng Sơn triển khai phủ sóng di động và dịch vụ internet 4G tới 100% các thôn bản trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; phối hợp với ngành Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thành phố giới thiệu và hỗ trợ triển khai các giải pháp công nghệ thông tin tiên tiến trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

3. Sở Tài chính

Tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định; hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, tham mưu cho UBND tỉnh phân bổ vốn đầu tư phát triển (đầu tư công) trung hạn và hằng năm để thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật.

5. Các sở, ban, ngành liên quan

Các sở, ban, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, các chỉ tiêu được xác định trong Kế hoạch, cụ thể hóa vào chương trình, dự án, kế hoạch phát triển của ngành, đơn vị và tổ chức triển khai thực hiện, nhằm góp phần đạt được các chỉ tiêu của Kế hoạch.

Thực hiện lồng ghép nguồn lực và theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu của Kế hoạch; tổng hợp báo cáo theo quy định.

6. UBND các huyện, thành phố

Căn cứ Kế hoạch này, UBND các huyện, thành phố cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp trong các chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý triển khai và bố trí kinh phí thực hiện theo quy định và đảm bảo hiệu quả.

Theo chức năng, nhiệm vụ, chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các nội dung của Kế hoạch. Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện gửi Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện.

Nơi nhận:
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- VNPT Lạng Sơn, Viettel Lạng Sơn;
- C, PVP UBND tỉnh, các phòng CV, TT THCB, TTPVHCC;
- Lưu: VT, KGVX (NTH).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Xuân Huyên